

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 37

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Công ty

Công Ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ ("Công ty") là công ty nhà nước cổ phần hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000018 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 và các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 11 vào ngày 03 tháng 07 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là: 130.805.470.000 VND

Văn phòng Công ty được đặt tại số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Nhà máy đường Phụng Hiệp tại Phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang.
- Xí nghiệp đường Vị Thanh tại Số 1284 Trần Hưng Đạo, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Trung tâm Giống Long Mỹ tại Ấp 6, Xã Lương Nghĩa, Huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
- Văn phòng đại diện tại TP.HCM tại Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM.
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM.
- Văn phòng đại diện tại Cần Thơ tại Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh Cần Thơ tại Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Công ty có 02 Công ty con:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Mía Đường Cần Thơ tại số 104 Đường 30/4, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là điều hành tua du lịch, đại lý du lịch, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống...
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ tại số 103 Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là thiết kế, chế tạo, lắp đặt hệ thống phân phối khí oxy phục vụ chuyên ngành y tế, thiết kế giàn cầu thép và cấu kiện bằng sắt thép, tư vấn thiết kế các công trình dân dụng...

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh đường cát trắng, các sản phẩm ngành mía đường.
- Cung ứng mía giống và sản xuất kinh doanh nước đá

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 916 người (31/12/2013: 1.116 người).

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản Trị trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch
Bà Võ Thị Kim Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Nhân	Thành viên
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên
Bà Trần Thị Thái	Thành viên

48995
CÔNG TY
CƠ KHÍ ĐIỆN
MÁY CẦN THƠ
KIỂM TOÁN
NĂM
CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Trần Văn Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Huỳnh Thanh, Thế	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Ngoan	Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

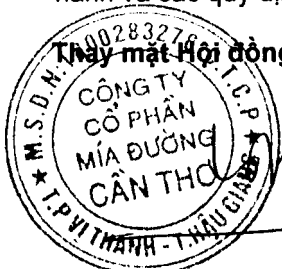
Hậu Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2015

M.S.D.N. 00283276
T.P. VỊ THANH - T. HẬU GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính

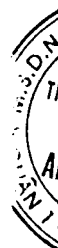
Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hậu Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2015



Số: 067/2015/BCKT-HCM.0564

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 14 tháng 03 năm 2014.



TRẦN ĐẠC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực 1, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		461.199.142.069	418.838.292.600
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	20.902.418.772	70.016.542.988
Tiền	111		20.902.418.772	70.016.542.988
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		86.813.143.356	62.688.295.182
Phải thu khách hàng	131	4.2	31.699.975.891	56.452.972.198
Trả trước cho người bán	132	4.3	59.002.190.191	12.519.534.187
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	21.370.496.043	18.918.998.146
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.5	(25.259.518.769)	(25.203.209.349)
Hàng tồn kho	140	4.6	340.546.422.737	260.265.572.636
Hàng tồn kho	141		340.546.422.737	269.564.761.603
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(9.299.188.967)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.937.157.204	25.867.881.794
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	267.941.938	584.124.636
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.23	-	3.299.337.534
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.8	12.669.215.266	21.984.419.624

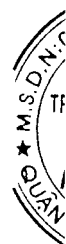
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực 1, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		347.547.143.694	401.685.435.506
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.608.440.000	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218	4.9	14.608.440.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		282.328.097.657	326.016.646.623
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	223.108.875.911	269.103.187.518
Nguyên giá	222		805.475.054.248	790.427.099.288
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(582.366.178.337)	(521.323.911.770)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	53.547.723.742	52.027.951.836
Nguyên giá	228		82.819.632.831	76.174.027.982
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.271.909.089)	(24.146.076.146)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.12	5.671.498.004	4.885.507.269
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		44.552.177.062	70.880.141.608
Đầu tư vào công ty con	251	4.13	19.983.755.867	19.983.755.867
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.14	14.985.000.000	32.619.600.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.15	19.372.000.000	25.154.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.16	(9.788.578.805)	(6.877.214.259)
Tài sản dài hạn khác	260		6.058.428.975	4.788.647.275
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.17	392.753.364	1.138.127.807
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	4.18	5.495.275.611	3.532.119.468
Tài sản dài hạn khác	268	4.19	170.400.000	118.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		808.746.285.763	820.523.728.106



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực 1, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		491.998.481.671	491.083.870.101
Nợ ngắn hạn	310		364.319.728.007	384.060.703.290
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.20	220.385.121.379	242.306.378.652
Phải trả cho người bán	312	4.21	11.226.540.601	47.839.526.620
Người mua trả tiền trước	313	4.22	48.216.199.769	33.350.472.174
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.23	15.092.000.480	7.720.025.406
Phải trả công nhân viên	315		29.763.305.548	25.979.000.770
Chi phí phải trả	316	4.24	1.202.263.371	1.077.129.972
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.25	30.944.536.299	9.036.949.903
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.26	7.489.760.560	16.751.219.793
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		127.678.753.664	107.023.166.811
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.27	91.638.149.880	71.775.735.648
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	4.28	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339	4.29	36.040.603.784	35.247.431.163
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		316.747.804.092	329.439.858.005
Vốn chủ sở hữu	410	4.30	316.747.804.092	329.439.858.005
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130.805.470.000	130.805.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(10.149.800.000)	(40.400.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		101.672.585.212	99.299.050.587
Quỹ dự phòng tài chính	418		32.734.284.450	32.734.284.450
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		61.685.264.430	66.641.452.968
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		808.746.285.763	820.523.728.106

3004
CÔ
ÁCH NI
KIỂM
FC V
- TF

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực 1, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		2.270.453.160	2.270.453.160
Ngoại tệ các loại	4.1		
- USD		5.489,57	580.919,92
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu



TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám Đốc
Hậu Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2015

4899

IG T
EM HU
TOÁ
ỆT N

HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực 1, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

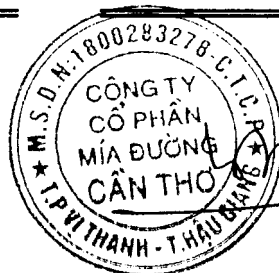
	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.230.480.970.119	1.477.605.569.827
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.432.921.069	401.226.151
Doanh thu thuần	10	5.1	1.223.048.049.050	1.477.204.343.676
Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.154.290.148.149	1.357.869.330.255
Lợi nhuận gộp	20		68.757.900.901	119.335.013.421
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	15.097.450.929	10.212.952.690
Chi phí tài chính	22	5.4	22.917.329.713	24.667.572.277
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.987.694.456	19.815.693.649
Chi phí bán hàng	24	5.5	12.212.992.844	13.159.200.661
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	30.389.988.607	51.562.208.587
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		18.335.040.666	40.158.984.586
Thu nhập khác	31	5.7	11.312.681.991	14.174.396.548
Chi phí khác	32	5.8	641.250.962	908.722.965
Lợi nhuận khác	40		10.671.431.029	13.265.673.583
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.006.471.695	53.424.658.169
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	6.647.580.988	7.363.641.192
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.10	(1.963.156.143)	(3.175.735.254)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.322.046.850	49.236.752.231



PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu



TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng

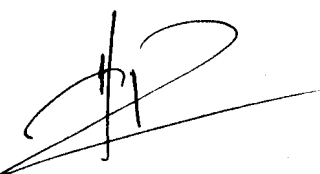


NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám Đốc
Hậu Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

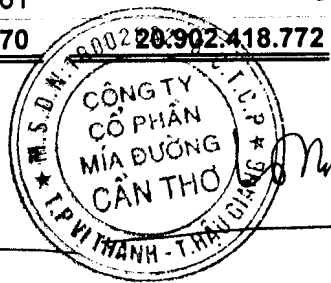
	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	29.006.471.695	53.424.658.169
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	66.168.099.510	60.374.451.561
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(6.331.515.001)	15.336.166.936
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	124.102.236
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.520.627.124)	(9.251.884.377)
Chi phí lãi vay	06	19.987.694.456	19.815.693.649
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	96.310.123.536	139.823.188.174
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(8.650.361.076)	(28.064.700.409)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(70.981.661.134)	77.618.306.869
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	7.037.593.055	22.971.498.276
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	1.061.557.141	(341.635.943)
Tiền lãi vay đã trả	13	(19.966.014.102)	(20.210.756.926)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.791.351.910)	(10.478.364.966)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	333.611.231	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.276.435.496)	(2.964.790.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.922.938.755)	178.352.745.075
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(22.479.550.544)	(118.941.357.987)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.725.000.000)	(202.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	19.320.840.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.717.925.124	9.652.115.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.165.785.420)	(109.491.242.013)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(10.109.400.000)	(2.000.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	908.539.517.971	813.800.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(910.598.361.012)	(812.787.585.768)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.857.157.000)	(24.994.576.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.025.400.041)	(23.984.161.768)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(49.114.124.216)	44.877.341.294
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	70.016.542.988	25.288.049.430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(148.847.736)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	20.902.418.772	70.016.542.988



PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu



TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám Đốc

Hậu Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công Ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ ("Công ty") là công ty nhà nước cổ phần hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000018 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 và các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 11 vào ngày 03 tháng 07 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là: 130.805.470.000 VND

Văn phòng Công ty được đặt tại số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Nhà máy đường Phụng Hiệp tại Phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang.
- Xí nghiệp đường Vị Thanh tại Số 1284 Trần Hưng Đạo, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Trung tâm Giống Long Mỹ tại Ấp 6, Xã Lương Nghĩa, Huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
- Văn phòng đại diện tại TP.HCM tại Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM.
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM.
- Văn phòng đại diện tại Cần Thơ tại Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh Cần Thơ tại Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Công ty có 02 Công ty con:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Mía Đường Cần Thơ tại số 104 Đường 30/4, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là điều hành tua du lịch, đại lý du lịch, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống...
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ tại số 103 Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là thiết kế, chế tạo, lắp đặt hệ thống phân phối khí oxy phục vụ chuyên ngành y tế, thiết kế giàn cầu thép và cấu kiện bằng sắt thép, tư vấn thiết kế các công trình dân dụng...

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh đường cát trắng, các sản phẩm ngành mía đường.
- Cung ứng mía giống và sản xuất kinh doanh nước đá

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 916 người (31/12/2013: 1.116 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

QUẢN LÝ
M.S.D.N
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại tại ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Từ ngày 01/01/2014
đến ngày
31/12/2014

Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình chủ yếu là các quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, hệ thống chất lượng được trích khấu hao theo đường thẳng như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Từ ngày 01/01/2014
đến ngày
31/12/2014

Quyền sử dụng đất có thời hạn	03 – 50 năm
-------------------------------	-------------

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 - 7 năm.

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

3.11 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.12 Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong năm.

3.13 Tiền lương

Quỹ lương năm 2014 của Công ty được xác định dựa vào Kế hoạch tiền lương theo đơn vị sản phẩm năm 2014 được Tổng Giám Đốc phê duyệt vào ngày 10 tháng 03 năm 2014 và được đăng ký với cơ quan quản lý thuế tại nơi Công ty đặt trụ sở.

3.14 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

3.15 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
- Trang bị cơ sở vật chất – kỹ thuật cho hoạt động khoa học công nghệ
- Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp.
- Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
- Chi phí đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
- Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ tối đa bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau. Trong năm 2014, Công ty trích lập Quỹ bằng 10% thu nhập tính thuế của 6 tháng đầu năm 2014.

3.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các

khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi miễn giảm

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2014 là năm cuối cùng Công ty được hưởng thuế suất 20% và không còn được giảm 50% theo chính sách ưu đãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

3.18 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Công Ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Mía Đường Cần Thơ	Việt Nam	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	Việt Nam	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng	Việt Nam	Công ty liên kết

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	258.721.404	182.662.796
Tiền gửi ngân hàng – VND	20.526.357.810	57.586.345.519
Tiền gửi ngân hàng – USD (*)	117.339.558	12.247.534.673
	20.902.418.772	70.016.542.988

(*) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 5.489,57 USD tương đương 117.339.558 VND.

4.2 Phải thu thương mại

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu thương mại – Bên liên quan	-	-
Phải thu thương mại – Bên thứ ba	31.699.975.891	56.452.972.198
	31.699.975.891	56.452.972.198

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước cho người bán – Bên liên quan	2.885.680.000	600.000.000
Trả trước cho người bán – Bên thứ ba	56.116.510.191	11.919.534.187
	59.002.190.191	12.519.534.187

4.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu của Dự án đầu tư xây dựng		
Trung tâm giống Long Mỹ	3.527.045.824	3.548.045.824
Phải thu Trung tâm giống Long Mỹ	458.348.461	458.348.461
Phải thu tiền cho công đoàn cơ sở mượn	3.230.500.000	4.569.600.000
Phải thu tiền cổ tức được nhận	5.015.000.000	51.666.667
Phải thu tiền cổ đông ứng vốn	-	7.711.557.833
Phải thu bồi thường hàng thiếu	8.223.738.500	-
Phải thu khác	915.863.258	2.579.779.361
	21.370.496.043	18.918.998.146

4.5 Dự phòng phải thu khó đòi

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	(25.203.209.349)	(630.025.708)
Trích lập trong năm	(56.309.420)	(24.639.409.960)
Hoàn nhập trong năm	-	66.226.319
Số dư cuối năm	(25.259.518.769)	(25.203.209.349)

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Hàng mua đang đi trên đường	12.827.182.880	7.400.996.989
Nguyên liệu, vật liệu	22.950.329.676	12.195.049.244
Công cụ, dụng cụ	278.222.233	232.086.724
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.980.200.995	19.334.589.935
Thành phẩm (*)	286.254.659.403	230.402.038.711
Hàng hóa	255.827.550	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	340.546.422.737	269.564.761.603
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (**)	-	(9.299.188.967)
Giá trị thuần	340.546.422.737	260.265.572.636

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÀN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(**) Chi tiết biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2014 VND	2013 VND
Vào ngày đầu năm	(9.299.188.967)	(23.263.982.064)
Trích lập trong năm	-	-
Hoàn nhập trong năm	9.299.188.967	13.964.793.097
Vào ngày cuối năm	-	(9.299.188.967)
4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí sửa chữa	67.213.019	-
Chi phí thuê kho	190.909.092	360.155.848
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	223.968.788
Chi phí khác	9.819.827	-
	267.941.938	584.124.636

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	185.683.547	2.584.247.095
Tạm ứng	(*) 12.483.531.719	19.348.172.529
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	52.000.000
	12.669.215.266	21.984.419.624

(*) Trong đó, Số tiền tạm ứng cho nhân viên Công ty để mua đất mở rộng khu du lịch sinh thái, khu đất chứa bã bùn cho Công ty với số tiền 8.541.457.121 VND. Hiện nay Công ty đang trong quá trình hoàn tất việc sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng.

4.9 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu dài hạn khác	(*) 14.608.440.000	-
	14.608.440.000	-

(*) Đây là tiền phải thu của Công ty Kim Hà Việt về việc bán cổ phần Công ty Cổ Phần Mía Đường Bến Tre theo hợp đồng số 01.11/HĐCNCP ngày 14 tháng 11 năm 2013 và phụ lục kèm theo.

4.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2014	159.719.918.730	591.769.020.326	27.585.275.079	2.718.899.537	8.633.985.616	790.427.099.288
Mua trong năm	-	1.102.526.350	1.209.090.909	44.492.000	-	2.356.109.259
Tăng từ XDCB	5.582.794.138	5.940.027.240	1.202.828.625	204.507.640	-	12.930.157.643

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	64.687.804	-	-	-	-	64.687.804
Giảm khác	-	(302.999.746)	-	-	-	(302.999.746)
Vào ngày 31/12/2014	165.367.400.672	598.508.574.170	29.997.194.613	2.967.899.177	8.633.985.616	805.475.054.248
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2014	119.576.098.406	374.851.291.605	16.164.821.889	2.097.714.254	8.633.985.616	521.323.911.770
Tăng trong năm	8.611.992.689	48.832.452.951	3.279.969.102	317.851.825	-	61.042.266.567
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 31/12/2014	128.188.091.095	423.683.744.556	19.444.790.991	2.415.566.079	8.633.985.616	582.366.178.337
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2014	40.143.820.324	216.917.728.721	11.420.453.190	621.185.283	-	269.103.187.518
Vào ngày 31/12/2014	37.179.309.577	174.824.829.614	10.552.403.622	552.333.098	-	223.108.875.911

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 328.534.477.142 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (tại ngày 31/12/2013 là 262.054.100.987 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay là 90.051.370.287 VND (tại ngày 31/12/2013 là 177.681.901.633 VND).

4.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2014	69.021.699.387	751.579.535	6.400.749.060	76.174.027.982
Tăng trong năm	6.645.604.849	-	-	6.645.604.849
Thanh lý	-	-	-	-
Vào ngày 31/12/2014	75.667.304.236	751.579.535	6.400.749.060	82.819.632.831
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2014	18.704.334.916	428.650.974	5.013.090.256	24.146.076.146
Tăng trong năm	4.755.205.930	91.607.148	279.019.865	5.125.832.943
Thanh lý	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Vào ngày 31/12/2014	23.459.540.846	520.258.122	5.292.110.121	29.271.909.089
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2014	50.317.364.471	322.928.561	1.387.658.804	52.027.951.836
Vào ngày 31/12/2014	52.207.763.390	231.321.413	1.108.638.939	53.547.723.742

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 10.649.459.665 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (tại ngày 31/12/2013 là 10.190.733.690 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay là 30.611.185.795 VND (tại ngày 31/12/2013 là 65.940.123.410 VND).

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.885.507.269	5.343.974.924
Tăng trong năm	32.821.254.092	114.032.094.625
Kết chuyển sang tài sản cố định	(19.575.762.492)	(96.662.143.651)
Kết chuyển khác	(12.459.500.865)	(17.828.418.629)
Số dư cuối năm	(*) 5.671.498.004	4.885.507.269

(*) Chi tiết công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại văn phòng Công ty	1.672.182.463	3.287.608.890
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại xí nghiệp đường Vị Thanh	1.905.665.092	1.321.077.716
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại nhà máy đường Phúồng Hiệp	2.093.650.449	276.820.663
	5.671.498.004	4.885.507.269

4.13 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ	1.948.255.867	100,00%	1.948.255.867	100,00%
Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	18.035.500.000	66,48%	18.035.500.000	66,48%
	19.983.755.867		19.983.755.867	

Tỷ lệ quyền biểu quyết tại các công ty con tương ứng với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ.

4.14 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	14.985.000.000	25,08%	-	-
Công ty CP Mía Đường Bến Tre	-	-	32.619.600.000	49,20%
	14.985.000.000		32.619.600.000	

Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200107515 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 08 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp với số vốn điều lệ 40.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 số lượng cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng là 1.003.000 cổ phần tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

giá là 10.030.000.000 VND, chiếm 25,08% vốn điều lệ. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng là sản xuất đường, bán buôn xuất nhập khẩu đường...

4.15 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng	-	-	9.760.000.000	12,58%
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam (1)	15.192.000.000	18,99%	15.192.000.000	18,99%
Tổng Công ty Mía Đường Số 1	202.000.000	0,46%	202.000.000	0,46%
Công ty Cổ Phần Mía Đường Bến Tre (2)	3.978.000.000	5,0%	-	-
	19.372.000.000		25.154.000.000	

- (1) Công ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 200266469, đăng ký lần đầu vào ngày 02 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp. với tổng số vốn điều lệ 80.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam là 1.519.200 cổ phần với tổng giá trị tính theo mệnh giá là 15.192.000.000 VND, chiếm 18,99% vốn điều lệ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam là sản xuất kinh doanh đường, phân bón vi sinh và các sản phẩm sau đường, kinh doanh mía nông sản.
- (2) Công ty Cổ Phần Mía Đường Bến Tre được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 130011213, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 28 tháng 04 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp với vốn điều lệ 20.196.000.000 VND. Trong năm Công ty đã chuyển nhượng 727.056 cổ phần cho Công ty Cổ Phần Kim Hà Việt. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Số lượng cổ phần Công ty còn nắm giữ tại Công ty Cổ Phần Mía Đường Bến Tre là 100.980 cổ phần với tổng giá trị tính theo mệnh giá là 1.009.800.000 cổ phần, tương ứng 5% trên vốn điều lệ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ Phần Mía Đường Bến Tre là sản xuất đường.

4.16 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	(6.877.214.259)	(2.149.437.867)
Trích lập trong năm	(2.911.364.546)	(4.727.776.392)
Hoàn nhập trong năm	-	-
Số dư cuối năm	(*) (9.788.578.805)	(6.877.214.259)

(*) Chi tiết các khoản dự phòng đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự phòng khoản lỗ của Công ty con		
Công ty TNHH MTV Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ	(1.537.471.391)	(471.997.205)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam	(8.251.107.414)	(6.405.217.054)
	(9.788.578.805)	(6.877.214.259)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.17 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	392.753.364	1.060.784.057
Chi phí sửa chữa	-	77.343.750
	392.753.364	1.138.127.807

4.18 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	3.532.119.468	356.384.214
Phát sinh trong năm	2.047.167.374	3.175.735.254
Hoàn nhập trong năm	(84.011.231)	-
Số dư cuối năm	5.495.275.611	3.532.119.468

4.19 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	170.400.000	118.400.000
	170.400.000	118.400.000

4.20 Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	191.678.742.727	222.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Sở giao dịch Hậu Giang	20.700.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang	155.228.742.727	222.100.000.000
- Ngân hàng TNHH HSBC - CN Cần Thơ	15.750.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	28.706.378.652	20.206.378.652
	220.385.121.379	242.306.378.652

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Lãi suất	Mục đích vay	Biện pháp bảo đảm tiền vay	31/12/2014 VND
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - SGD Hậu Giang	6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động SXKD thuộc ngành mía đường	Bảo đảm vay là QSDĐ của công ty tại TP.HCM và tỉnh Hậu Giang có tổng giá trị được định giá là 111.452.000.000 VND. Giá trị còn lại theo sổ sách là 21.891.152.273 VND để đảm bảo cho hạn mức 111.400.000.000 VND và 38.600.000.000 VND còn lại là vay tín chấp	20.700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Lãi suất	Mục đích vay	Biện pháp bảo đảm tiền vay	31/12/2014 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang	4-6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động SXKD niên vụ mía 2013 - 2014	Thế chấp máy móc thiết bị và hàng tồn kho với tổng giá trị được định giá là 277.947.751.181 VND. Giá trị còn lại theo sổ sách của tài sản cố định dùng để thế chấp là 16.684.444.999 VND.	155.228.742.727
Ngân hàng TNHH HSBC - CN Cần Thơ	5,9%/năm		Tất cả các khoản phải thu của công ty có trị giá ít nhất 3.000.000 USD tương đương với 64.050.000.000 VND	15.750.000.000
				191.678.742.727

(*) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2014 VND
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Hậu Giang	7.706.378.652
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Hậu Giang	6.000.000.000
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - CN Hậu Giang	6.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang	8.500.000.000
	28.706.378.652

4.21 Phải trả cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	176.980.000	305.026.000
Phải trả người bán – Bên thứ ba	11.049.560.601	47.534.500.620
	11.226.540.601	47.839.526.620

4.22 Người mua trả tiền trước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Người mua trả tiền trước - Bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước - Bên thứ ba	48.216.199.769	33.350.472.174
	48.216.199.769	33.350.472.174

4.23 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng "GTGT" được khấu trừ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	-	3.299.337.534
	-	3.299.337.534

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT đầu ra	9.497.371.811	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.576.254.484	7.720.025.406
Thuế thu nhập cá nhân	18.232.825	-
Các loại thuế khác	141.360	-
	15.092.000.480	7.720.025.406

4.24 Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí sửa chữa	59.454.520	59.454.520
Chi phí lãi vay	768.147.387	746.467.033
Chi phí phải trả khác	374.661.464	271.208.419
	1.202.263.371	1.077.129.972

4.25 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	114.129.912	51.485.601
Kinh phí công đoàn	53.183.850	80.282.035
Bảo hiểm xã hội	70.086.250	80.934.440
Cổ tức phải trả	418.820.000	136.252.500
Phải trả ngân sách	3.181.317.244	3.181.317.244
Phải trả tiền đường tạm nhập khẩu	20.198.474.992	-
Phải trả khác	6.908.524.051	5.506.678.083
	30.944.536.299	9.036.949.903

4.26 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2014 VND	Trích lập quỹ VND	Sử dụng quỹ VND	31/12/2014 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	14.370.394.648	4.747.069.250	(12.292.799.700)	6.824.664.198
Quỹ phúc lợi xã hội	2.593.725.145	949.413.850	(2.878.042.633)	665.096.362
Quỹ khen thưởng ban điều hành	(212.900.000)	1.068.493.163	(855.593.163)	-
	16.751.219.793	6.764.976.263	(16.026.435.496)	7.489.760.560

4.27 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn	91.638.149.880	71.775.735.648
	91.638.149.880	71.775.735.648

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÀN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất	Mục đích vay	Biện pháp bảo đảm tiền vay	31/12/2014 VND
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Hậu Giang - VND	10,20% /năm	Vay mua ngoại tệ trả nợ nước ngoài	Tín chấp	15.412.757.295
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Hậu Giang - VND	9,72% /năm	Đầu tư dự án nhà máy đường Phụng Hiệp	Bảo đảm vay là tài sản hình thành từ vốn vay: TSCĐ và nhà cửa vật kiến trúc, với tổng nguyên giá là: 131.346.087.700 VND. Giá trị còn lại của tài sản thế chấp là 553.863.000 VND.	18.339.209.110
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - CN Hậu Giang - VND	5,40% /năm	Đầu tư các hạng mục của Dự án nhà máy đường Phụng Hiệp	Bảo đảm vay bằng tài sản cố định là dây chuyền thiết bị đồng bộ của Ấn Độ. Nguyên giá 104.514.644.899 VND. Giá trị còn lại của tài sản thế chấp là 3.177.157.002 VND	20.386.183.475
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang	9,50% /năm	Bù đắp các chi phí cho dự án "đổi mới chi phí tính lọc đường RE"	Bảo đảm vay bằng chính dây chuyền đường RE, có giá trị còn lại tính đến 31/12/2014 là 78.355.938.807 VND	37.500.000.000
				91.638.149.880

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Tổng VND	Trong vòng 1 năm - VND	Trong năm thứ 2 - VND	Từ năm thứ 3 đến năm thứ 6 - VND
Vay dài hạn ngân hàng	120.344.528.532	28.706.378.652	28.706.378.652	62.931.771.228
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Hậu Giang - VND	23.119.135.947	7.706.378.652	7.706.378.652	7.706.378.643
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Hậu Giang - VND	24.339.209.110	6.000.000.000	6.000.000.000	12.339.209.110
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - CN Hậu Giang - VND	26.886.183.475	6.500.000.000	6.500.000.000	13.886.183.475
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang	46.000.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	29.000.000.000
Vay dài hạn cá nhân	-	-	-	-
Nợ dài hạn	-	-	-	-
	120.344.528.532	28.706.378.652	28.706.378.652	62.931.771.228

4.28 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	2014 VND	2013 VND
Vào ngày đầu năm	-	-
Phát sinh trong năm	5.734.815	19.095.187
Hoàn nhập trong năm	(5.734.815)	(19.095.187)
Vào ngày cuối năm	-	-

4.29 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	35.247.431.163	38.426.981.784
Số trích lập trong năm	793.172.621	6.949.010.563
Số sử dụng trong năm	-	(10.128.561.184)
Số dư cuối năm	<u>36.040.603.784</u>	<u>35.247.431.163</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÀN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.30 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - VND	Cộng VND
Vào ngày 01/01/2013	130.805.470.000	(38.400.000)	99.299.050.587	32.734.284.450	66.429.226.138	329.229.631.175
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	49.236.752.231	49.236.752.231
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(4.323.394.901)	(4.323.394.901)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(44.701.130.500)	(44.701.130.500)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(2.000.000)	-	-	-	(2.000.000)
Vào ngày 01/01/2014	130.805.470.000	(40.400.000)	99.299.050.587	32.734.284.450	66.641.452.968	329.439.858.005
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	24.322.046.850	24.322.046.850
Trích lập quỹ trong năm (*)	-	-	2.373.534.625	-	(2.373.534.625)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(6.764.976.263)	(6.764.976.263)
Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	-	-	(20.139.724.500)	(20.139.724.500)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(10.109.400.000)	-	-	-	(10.109.400.000)
Vào ngày 31/12/2014	130.805.470.000	(10.149.800.000)	101.672.585.212	32.734.284.450	61.685.264.430	316.747.804.092

(*) Trích lập quỹ và chia cổ tức được căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 vào ngày 29 tháng 04 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.080.547	130.805.470.000	13.080.547	130.805.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành	13.080.547	130.805.470.000	13.080.547	130.805.470.000
Cổ phiếu phổ thông	13.044.167	130.441.670.000	13.044.167	130.441.670.000
Cổ phiếu ưu đãi	36.380	363.800.000	36.380	363.800.000
Cổ phiếu quỹ	(365.360)	(3.653.600.000)	(4.040)	(40.400.000)
Cổ phiếu phổ thông	(364.600)	(3.646.000.000)	(3.700)	(37.000.000)
Cổ phiếu ưu đãi	(760)	(7.600.000)	(340)	(3.400.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành	12.715.187	127.151.870.000	13.076.507	130.765.070.000
Cổ phiếu phổ thông	12.679.567	126.795.670.000	13.040.467	130.404.670.000
Cổ phiếu ưu đãi	35.620	356.200.000	36.040	360.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty như sau:

	31/12/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Vốn Nhà Nước	27,59	36.091.920.000	27,59	36.091.920.000
Nguyễn Thành Long	8,50	11.119.750.000	8,50	11.119.750.000
Nguyễn Ái Như Giang	6,69	8.744.600.000	5,72	7.477.600.000
Công ty Kim Hà Việt	6,18	8.080.920.000	-	-
Công ty Thành Thành Công	5,23	6.839.230.000	5,23	6.839.230.000
Vốn cổ phần đã được Công ty mua lại	7,76	10.149.800.000	0,03	40.400.000
Vốn các cổ đông khác	38,05	49.779.250.000	52,93	69.236.570.000
	100,00	130.805.470.000	100,00	130.805.470.000

4.31 Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ ngày 29 tháng 4 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2013 là 20.139.724.500 VND (25%/Vốn chủ sở hữu).

4.32 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ.

Công ty trích 5% lợi nhuận sau thuế vào quỹ đầu tư phát triển để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty.

Các quỹ khác

Công ty trích 12% lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
Doanh thu đường thành phẩm	1.230.480.970.119	1.477.605.569.827
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(491.912.021)	(401.226.151)
Hàng bán bị trả lại	(6.941.009.048)	-
Doanh thu thuần	1.223.048.049.050	1.477.204.343.676

5.2 Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn đường thành phẩm	1.154.290.148.149	1.357.869.330.255
	1.154.290.148.149	1.357.869.330.255

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	315.257.124	575.616.447
Lãi trả chậm	1.496.272.084	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	6.917.690.000	6.671.190.000
Lãi tiền cho ứng vốn cổ phần	555.833.934	506.738.711
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.085.845	190.951.866
Lãi thanh lý khoản đầu tư	5.287.680.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	495.631.942	2.268.455.666
	15.097.450.929	10.212.952.690

5.4 Chi phí hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	19.987.694.456	19.815.693.649
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	2.911.364.546	4.727.776.392
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	124.102.236
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.270.711	-
	22.917.329.713	24.667.572.277

5.5 Chi phí bán hàng

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	1.813.084.428	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	18.004.819
Chi phí vận chuyển, quảng cáo, bốc xếp	5.928.399.694	3.602.223.282

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	2014 VND	2013 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.665.284	810.763.665
Chi phí bằng tiền khác	4.247.843.438	8.728.208.895
	12.212.992.844	13.159.200.661
5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.207.612.562	8.500.286.694
Chi phí vật liệu quản lý	72.319.544	105.163.702
Chi phí đồ dùng văn phòng	314.196.198	130.622.548
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.429.584.754	4.585.040.941
Thuế, phí và lệ phí	10.909.000	924.595.803
Chi phí dự phòng	-	24.640.683.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	383.803.345	479.107.254
Chi phí bằng tiền khác	12.971.563.204	12.196.708.004
	30.389.988.607	51.562.208.587
5.7 Thu nhập khác		
	2014 VND	2013 VND
Thu bán phế liệu	5.954.003.278	5.935.645.305
Cho thuê mặt bằng, thuê đất	51.818.182	82.636.365
Hoàn thuế bảo vệ môi trường	-	1.845.941.600
Lãi đầu tư vào Công Ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng	533.046.078	2.687.500.000
Thu nhập khác	4.773.814.453	3.622.673.278
	11.312.681.991	14.174.396.548
5.8 Chi phí khác		
	2014 VND	2013 VND
Chi phí khấu hao năm trước	-	798.019.717
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	555.000.000	-
Thuế bị phạt, truy thu, vi phạm hành chính	-	90.000.000
Chi phí khác	86.250.962	20.703.248
	641.250.962	908.722.965
5.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	2014 VND	2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.006.471.695	53.424.658.169
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	2.476.103.216	9.116.436.895
Các khoản điều chỉnh tăng	9.813.849.371	19.351.469.031

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	2014 VND	2013 VND
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.337.746.155)	(10.235.032.136)
Tổng thu nhập chịu thuế	31.482.574.911	62.541.095.064
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 20%	13.929.274.618	55.144.217.156
- Thu nhập khác chịu thuế suất 22%	17.553.300.293	-
- Thu nhập khác chịu thuế suất 25%	-	7.396.877.908
Tổng thu nhập tính thuế	31.482.574.911	55.144.217.156
- Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.785.854.924	11.028.843.431
- Thuế TNDN theo thuế suất 22%	3.861.726.064	-
- Thuế TNDN theo thuế suất 25%	-	1.849.219.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	6.647.580.988	12.878.062.908
Giảm 50% thuế TNDN theo giấy chứng nhận đầu tư	-	(5.514.421.717)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.647.580.988	7.363.641.192

5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2014 VND	2013 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(7.317.928.166)	(14.096.755.205)
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(7.737.984.321)	(17.660.597.341)
- Chi phí trích trước năm nay	(374.661.464)	(330.662.939)
- Chi phí dự phòng năm nay	(7.363.322.857)	(17.181.086.666)
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	-	(148.847.736)
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	420.056.155	3.563.842.136
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm đã trích năm trước	-	3.337.561.659
- Chi phí trích trước của năm trước	271.208.419	226.280.477
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	148.847.736	-
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ/chịu thuế	(7.317.928.166)	(14.096.755.205)
Thuế suất thuế TNDN hoãn lại năm 2012	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN hoãn lại năm 2013	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN hoãn lại năm 2014	22%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(1.618.345.320)	(3.175.735.254)
Ảnh hưởng thay đổi thể suất thuế thu nhập hoãn lại của khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ năm trước	(344.810.823)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Chi phí/ (lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại	(1.963.156.143)	(3.175.735.254)

5.11 Chi phí theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.066.611.469.788	1.118.666.536.018
Chi phí nhân công	82.119.615.968	93.706.753.503
Chi phí khấu hao	66.168.099.510	60.374.451.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.863.833.263	29.921.981.788
Chi phí bằng tiền khác	32.379.625.758	61.587.380.676
	1.251.142.644.287	1.364.257.103.546

5.12 Giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2014 VND
Công ty còn phải thu tiền do sang nhượng cổ phần của Công ty Cổ Phần Mía Đường Bến Tre	14.608.440.000
Công ty ghi giảm giá gốc khoản đầu tư cổ phiếu do nhận khoản lãi đầu tư trước khi công ty mua lại	2.500.000.000
	17.108.440.000

6. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

I. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Các khoản vay và nợ	220.385.121.379	91.638.149.880	312.023.271.259
Phải trả người bán	11.226.540.601	-	11.226.540.601
Chi phí phải trả	1.202.263.371	-	1.202.263.371
Phải trả khác	30.707.136.287	-	30.707.136.287
	263.521.061.638	91.638.149.880	355.159.211.518
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	242.306.378.652	71.775.735.648	314.082.114.300
Phải trả người bán	47.839.526.620	-	47.839.526.620
Chi phí phải trả	1.077.129.972	-	1.077.129.972

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả khác	8.824.247.827	-	8.824.247.827
	300.047.283.071	71.775.735.648	371.823.018.719

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay (*Thuyết minh số 4.6, 4.20 và 4.27*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2014.

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	6.440.457.122	56.452.972.198	6.440.457.122	56.452.972.198
Các khoản phải thu khác	21.370.496.043	18.918.998.146	21.370.496.043	18.918.998.146
Phải thu dài hạn khác	14.608.440.000	-	14.608.440.000	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư dài hạn	11.120.892.586	18.748.782.946	11.120.892.586	18.748.782.946
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.902.418.772	70.016.542.988	20.902.418.772	70.016.542.988
Tổng cộng	74.442.704.523	164.137.296.278	74.442.704.523	164.137.296.278

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Vay và nợ	312.023.271.259	314.082.114.300	312.023.271.259	314.082.114.300
Phải trả bên thứ ba	11.049.560.601	47.534.500.620	11.049.560.601	47.534.500.620
Phải trả các bên liên quan	176.980.000	305.026.000	176.980.000	305.026.000
Phải trả khác	30.707.136.287	8.824.247.827	30.707.136.287	8.824.247.827
Chi phí phải trả	1.202.263.371	1.077.129.972	1.202.263.371	1.077.129.972
Tổng cộng	355.159.211.518	371.823.018.719	355.159.211.518	371.823.018.719

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh đường và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Các nghiệp vụ với bên liên quan

Giao dịch với các bên có liên quan

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2014 VND	2013 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Du Lịch Mía Đường Cần Thơ	Bán đường thành phẩm, hàng hóa	9.073.809	-
	Nhận cung cấp dịch vụ	5.244.684.736	1.600.831.818
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	Mua hàng	852.116.144	1.587.651.550
	Thu lại tiền ứng vốn mua đất	555.000.000	2.945.000.000
	Nhận cổ tức	2.325.600.000	2.584.000.000
Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng	Thu lãi trả chậm	357.048.610	-
	Nhận cổ tức năm 2013	5.015.000.000	-
	Ứng trước tiền mua hàng	2.500.000.000	-
Thành viên Ban lãnh đạo	Hoàn tiền ứng	(6.509.361.333)	-
	Công ty cho tạm ứng	517.618.568	-
	Thu lại tiền bán đường	2.703.255.000	-

Số dư các khoản phải thu/ (phải trả)/ tạm ứng các bên có liên quan

		31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Du Lịch Mía Đường Cần Thơ	Phải trả tiền dịch vụ	-	(94.520.000)
	Trả trước tiền dịch vụ	385.680.000	-
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	Phải thu tiền ứng trước tiền mua hàng	-	600.000.000
	Phải thu tiền ký quỹ vỏ chai khí gas công nghiệp	170.400.000	170.400.000
	Ứng vốn mua đất dự án 103 Nguyễn Trãi	-	555.000.000
	Phải trả tiền hàng	(176.980.000)	(210.506.000)
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng	Trả trước tiền mua hàng	2.500.000.000	-
	Phải thu tiền cổ tức	5.015.000.000	-
	Phải thu lãi trả chậm	16.145.833	-
Thành viên Ban lãnh đạo	Phải thu tiền cho ứng	-	6.169.561.333
	Phải thu tiền ứng chuyển quyền sử dụng đất	3.869.283.568	3.865.665.000
	Phải thu khác	349.508.400	175.508.400

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8.2 Thu nhập các thành viên chủ chốt của Công ty:

	2014	2013
	VND	VND
Tiền lương	1.929.320.052	2.491.705.763
Tiền thưởng	2.619.315.157	2.657.361.941
Thù lao	390.000.000	872.723.200
	4.938.635.209	6.021.790.904

8.3 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm là số liệu đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 024CT/2014/BCTC-KTTV do Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ phát hành ngày 14 tháng 03 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tuy nhiên, một vài số liệu được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 dựa trên kết quả kiểm tra số dư đầu năm.

Bảng cân đối kế toán

	Mã số	Báo cáo kiểm toán 31/12/2013	Trình bày lại số dư đầu năm 01/01/2014	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.766.059.734	3.532.119.468	1.766.059.734
Lợi nhuận chưa phân phối	420	64.875.393.234	66.641.452.968	1.766.059.734

Kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	Báo cáo kiểm toán dòng tiền năm 2013	Trình bày lại dòng tiền 2013	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	02	(1.409.675.520)	(3.175.735.254)	(1.766.059.734)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11	47.470.692.497	49.236.752.231	1.766.059.734

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

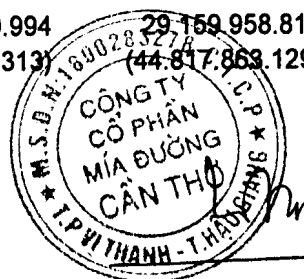
	Mã số	Báo cáo kiểm toán dòng tiền năm 2013	Trình bày lại dòng tiền 2013	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Khấu hao tài sản cố định	02	39.288.519.994	29.159.958.810	(10.128.561.184)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(54.946.424.313)	(44.817.863.129)	10.128.561.184



PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu



TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám Đốc
Hậu Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2015